

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU ĐỒNG PHÚ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/QĐ-HĐQTCSDP

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐQTCSDP ngày 24/4/2025 về việc thống nhất thông qua Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Cao su Đồng Phú;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này “**Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú**”.

(Đính kèm theo Quy chế bao gồm 05 chương, 16 điều và Phụ lục Công bố thông tin)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, BKS.
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Huỳnh Nhật

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

(Mã chứng khoán: DPR)

(Niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh - HOSE)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Quy chế này quy định trách nhiệm, nội dung và phương thức công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tăng cường tính minh bạch, công bằng, trung thực và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.

Điều 2: Căn cứ pháp lý

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính;
Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính;
Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3: Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với việc công bố thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu, và các hoạt động công bố thông tin khác của Công ty.

Điều 4: Đối tượng áp dụng

Người công bố thông tin.

Các phòng ban liên quan gồm:

- Phòng Kế toán Tài vụ.
- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Kế hoạch.



- Phòng kinh doanh
- Phòng Thanh tra Bảo vệ Quân sự

Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin

Thông tin được công bố phải chính xác, đầy đủ, kịp thời, trung thực và không gây hiểu lầm, đảm bảo minh bạch và bình đẳng cho cổ đông, nhà đầu tư.

Đảm bảo công bằng và minh bạch cho tất cả cổ đông, nhà đầu tư.

Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin được công bố.

CHƯƠNG II: LOẠI HÌNH VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6: Công bố thông tin định kỳ

Được quy định cụ thể tại “PHẦN I” của Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 7: Công bố thông tin bất thường

Được quy định cụ thể tại “PHẦN II” của Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 8: Công bố thông tin theo yêu cầu

Được quy định cụ thể tại “PHẦN III” của Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 9: Công bố thông tin về các hoạt động khác

Được quy định cụ thể tại “PHẦN IV” của Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 10: Ngôn ngữ công bố thông tin

Từ ngày 01/01/2025, công ty phải công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, công ty phải công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng (khoản 1, Điều 5, TT68).

CHƯƠNG III:

PHƯƠNG THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11: Phương thức công bố thông tin

Qua hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty.

Điều 12: Trách nhiệm

Thư ký HĐQT, Người được ủy quyền công bố thông tin: Là người kiểm duyệt cuối cùng trước khi công bố thông tin lên HOSE và Website Công ty.

Phòng Kế toán - Tài vụ: Công bố báo cáo tài chính và các nội dung liên quan phân công tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Phòng Kế hoạch: Công bố thông tin về thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các nội dung liên quan phân công tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Phòng Tổ chức - Hành chính: Quản lý việc công bố tất cả các thông tin trên website Công ty và các nội dung liên quan phân công tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và chính xác theo yêu cầu của phòng ban chịu trách nhiệm chính hoặc Ban lãnh đạo Công ty.

Điều 13: Lưu trữ thông tin

Các tài liệu công bố thông tin phải được lưu trữ tối thiểu 5 năm.

Phòng ban liên quan chịu trách nhiệm lưu trữ đầy đủ, an toàn các tài liệu công bố thông tin và phối hợp định kỳ kiểm tra tính nguyên vẹn của tài liệu lưu trữ.

CHƯƠNG IV: XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14: Xử lý vi phạm

Cá nhân hoặc phòng ban không tuân thủ quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm liên quan đến công bố thông tin.

CHƯƠNG V: HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15: Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua.

Trong trường hợp nội dung của Quy chế này có sự khác biệt hoặc không còn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin, Công ty sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm áp dụng. Các điều chỉnh cần thiết sẽ được thực hiện trong thời gian sớm nhất.

Điều 16: Sửa đổi, bổ sung

Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và tuân thủ các quy định pháp luật.

Trong thời gian chưa kịp sửa đổi Quy chế để phù hợp với quy định mới, Công ty tạm thời thực hiện theo hướng dẫn từ cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Bình Phước, ngày 25 tháng 5 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Mai Huỳnh Nhật





PHỤ LỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Các từ viết tắt trong Phụ lục

- **TT_96:** Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020;
- **QĐ_21:** Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- **QĐ_17:** Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- **TK:** Thư ký Hội đồng quản trị;
- **Phòng KTTV:** Phòng Kế toán Tài vụ;
- **Phòng TCHC:** Phòng Tổ chức - Hành chính;
- **Phòng KH:** Phòng Kế hoạch;
- **Phòng KD:** Phòng Kinh doanh;
- **Phòng TTBV:** Phòng Thanh tra Bảo vệ Quân sự;
- **TK_TV:** Thư ký_đơn vị Tư vấn;
- **HĐQT:** Hội đồng Quản trị.

Hướng dẫn chung:

1. **Phòng ban chịu trách nhiệm chính** (phần chữ tô đậm tại cột “**Phân công nhiệm vụ đăng tin và cung cấp thông tin công bố**” của Phụ lục này):

- Chuẩn bị đầy đủ nội dung và phối hợp với các phòng ban liên quan để hoàn thiện thông tin cần công bố.
- Đảm bảo tính chính xác, đúng hạn, và đầy đủ của thông tin.

2. **Thư ký HĐQT, người được uỷ quyền công bố thông tin:**

- Là người kiểm duyệt cuối cùng trước khi công bố thông tin lên HOSE và Website công ty.
- Đảm bảo thông tin được truyền đạt đúng quy định và tiêu chuẩn.

3. **Phối hợp giữa các phòng ban và Thư ký:**

- Cung cấp thông tin đúng hạn cho Thư ký để đảm bảo thời gian công bố.
- Trao đổi rõ ràng và kiểm tra kỹ nội dung trước khi gửi.

STT	NỘI DUNG CHI TIẾT	Phân công nhiệm vụ phòng ban “đăng tin” và “cung cấp thông tin” công bố
	PHẦN I CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ (Điều 10 và Điều 14 TT_96; khoản 1, Điều 10 QĐ_21 và khoản 1, Điều 11 QĐ_21, Điều 50 QĐ_17)	
	Quy định tại Điều 10 (TT_96)	
	1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau: a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính; c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm	Phòng KTTV

	Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
	2. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	
	a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nêu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	4. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình Quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	Quy định tại Điều 14 (TT_96)	
	2. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96;	Phòng KTTV phối hợp với Phòng ban liên quan

	b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
	3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có). a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96; b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.	Phòng KTTV phối hợp với Phòng ban liên quan

	4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Phòng KTTV phối hợp với Phòng ban liên quan
	5. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.	Phòng KTTV
	Quy định tại Điều 50 (QĐ_17)	
	1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu thực hiện báo cáo như sau: a) Tổ chức niêm yết báo cáo Báo cáo SGDC về Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty và dữ liệu điện tử. Thời hạn gửi: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. b) Tổ chức niêm yết báo cáo SGDC về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty và dữ liệu điện tử, cụ thể như sau: - Báo cáo Quý 1 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28 của tháng 02 và gửi cho SGDC chậm nhất là ngày 10 của tháng 03. - Báo cáo Quý 2 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 05 và gửi cho SGDC chậm nhất là ngày 10 của tháng 06. - Báo cáo Quý 3 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 08 và gửi cho SGDC chậm nhất là ngày 10 của tháng 09.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan

	- Báo cáo Quý 4 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30 của tháng 11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 12.	
	PHẦN II CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG 24 GIỜ (Điều 11 và Điều 14 TT_96; khoản 2, Điều 10 QĐ_21 và khoản 2, Điều 11 QĐ_21)	
	Quy định tại Điều 11 (TT_96)	
	1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, sau khi xảy ra một trong sự kiện sau đây:	
	a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	Phòng KTTV phối hợp với Phòng ban liên quan
	b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Phòng KH và TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong nếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	TK_TV phối hợp với Phòng ban liên quan
	đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	TK_TV phối hợp với Phòng ban liên quan

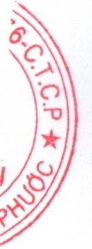


e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	- Phòng TCHC - Phòng KH - Phòng KTTV - TK Chịu trách nhiệm của từng nội dung do phòng hoặc cá nhân phụ trách
g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ nếu thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	- Phòng KTTV phối hợp với Phòng ban liên quan
h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết;	TK_KH phối hợp với Phòng ban liên quan
i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:	
Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình;	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng	- Phòng TCHC - TK phối hợp với Phòng ban liên quan

	thời, Công ty gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;	
	m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được đã kiểm tra. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	- Phòng KTTV - Phòng KH - TK
	n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;	- Phòng TTBV - Phòng TCHC - TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	- Phòng KTTV phụ trách về vi phạm thuế; - TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	r) Khi xảy ra sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục .	
	3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan

	b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	
	4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu a) Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4, Điều 11 của Thông tư 96; b) Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	Quy định tại Điều 15 (TT_96)	
	a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được đã kiểm tra (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với nếu Công ty là Công ty mẹ);	- Phòng KH phụ trách về giá trị đầu tư - Phòng KTTV phụ trách về vay, và cho vay
	c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Do Ban lãnh đạo Cty chỉ đạo thực hiện
	Quy định tại khoản 2, Điều 10 (QĐ_21)	

a) Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ: Thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo TT_96 và gửi kèm bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo Phụ lục III tại TT_96 trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực. Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III TT_96: Liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (gồm cả nếu người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III TT_96. Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III TT_96 với nội dung “người liên quan không cung cấp thông tin”. Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III TT_96, tổ chức đăng ký giao dịch báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo TT_96. <i>“Ghi chú 1: Người nội bộ theo quy định tại mục a, điểm 45, Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 bao gồm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin”.</i> <i>“Ghi chú 2: Người có liên quan của Người nội bộ theo quy định tại mục c và mục d, điểm 45, Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 bao gồm:</i> <i>c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.</i> <i>d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó”.</i>	- Phòng TCHC cung cấp kịp thời các Quyết định bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi chức với các chức danh của Ban TGĐ, Kế toán trưởng Công ty; - TK phối hợp với phòng ban chịu trách nhiệm với người nội bộ là Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, người đại diện theo pháp luật, và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin”
b) Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động:	Phòng Kế hoạch phối hợp TK và phòng ban liên quan



	Thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo TT_96 và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.	
	c) Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại điểm e hoặc điểm h khoản 1 Điều 11 TT_96 theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo TT_96.	Phòng KTTV phối hợp TK và phòng ban liên quan
	d) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:	
	Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 11 TT_96 và mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo TT_96.	
	đ) Đối với các thông tin công bố bất thường khác: Thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo QĐ_21	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	PHẦN III CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (Điều 12 và Điều 16 TT_96; khoản 3, Điều 10 QĐ_21 và khoản 3, Điều 11 QĐ_21)	
	Quy định tại Điều 12 (TT_96)	
	1. Trong các nêu sau đây, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, sau khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong sự kiện sau đây:	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	TK phối hợp với Phòng ban liên quan



	2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục .	TK phối hợp với Phòng ban liên quan
	PHẦN IV CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC (Điều 13 và Điều 17 TT_96; khoản 4, Điều 10 QĐ_21 và khoản 4, Điều 11 QĐ_21)	
	Quy định tại Điều 13 (TT_96)	
	1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	TK _Tư vấn_Phòng ban liên quan
	2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên: Trang thông tin điện tử của Công ty; Sở Giao dịch Chứng khoán; Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam Việc công bố thông tin này phải tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	TK _Tư vấn_Phòng ban liên quan
	3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%, thì Công ty phải:	TK _Tư vấn_Phòng ban liên quan

	- Thông báo cho tất cả các chủ nợ biết. - Công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	
	Quy định tại khoản , Điều 10 (QĐ_21)	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
	a) Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 TT_96 và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
	b) Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 13 TT_96.	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan
	c) Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và khoản 3 Điều 13 TT_96.	TK_Tư vấn_Phòng ban liên quan

